

Bản án số: **09/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 06 tháng 02 năm 2026

*"V/v Ly hôn và tranh chấp*

*về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÁI NGUYÊN

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Duy Chính

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Đào.

2. Ông Nguyễn Văn Thuyết.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Tân – Thư ký  
Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 161/2025/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thu T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Xóm P, xã V, tỉnh Thái Nguyên

**Bị đơn:** Anh Trần Văn Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

*(Các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thu T trình bày:* Tôi và anh Q kết hôn ngày 02/4/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, (nay là xã V), tỉnh Thái Nguyên, việc kết hôn của chị và anh Q trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh Q tại xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, chị về ở nhà mẹ đẻ tại xóm P, xã V, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khả P, sinh ngày 22/9/2015 và Trần Khánh L, sinh ngày 24/10/2017. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh Q, trường hợp không thỏa thuận được thì chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh Q không đồng ý thì chị đề nghị được nuôi dưỡng 01 con chung. Hiện nay chị kinh doanh tại nhà, thu nhập khoảng 08 – 10 triệu đồng/01 tháng đảm bảo để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ gì ai, không cho ai vay mượn gì, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn Q trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày, nay vợ chồng đã ly thân. Anh đồng ý ly hôn vì đến nay anh không còn tình cảm, không yêu thương gì chị T nữa, nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh không đồng ý, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Trần Khả P, sinh ngày 22/9/2015 và Trần Khánh L, sinh ngày 24/10/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định làm nghề sửa chữa điện tử thu nhập khoảng 12 đến 15 triệu/tháng và anh đảm bảo việc nuôi con..

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hoà giải và công khai chứng cứ theo quy định nhưng các bên đều không thống nhất được về phần con chung. Do vậy phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu là xin được ly hôn và xin được nuôi 01 hoặc 02 con chung, hiện tại 02 con đang ở cùng với chị. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết. Anh Q nhất trí ly hôn nhưng không nhất trí về phần con chung và anh có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không đề nghị cấp dưỡng vì các cháu đang học tập tại nơi anh cư trú và anh muốn con chung ở cùng với nhau thuận tiện cho việc dạy bảo..

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị T được ly hôn anh Q. Về con chung: Giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu L cho anh Q nuôi dưỡng cho đến khi con chung khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác..Về cấp dưỡng: Không xem xét vì các bên không yêu cầu. Về tài sản chung, và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thu T và anh Trần Văn Q kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại UBND xã T, huyện P, (nay là xã V), tỉnh Thái Nguyên, là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống do không có tiếng nói chung và các bên đã ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay và không ai quan tâm đến ai..Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên kiên quyết xin được ly hôn. Anh Q xác định vợ chồng có mâu thuẫn căng thẳng và không thể đoàn tụ được chị T xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh

Q là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khả P, sinh ngày 22/9/2015 và Trần Khánh L, sinh ngày 24/10/2017. Chị T và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi 02 con chung nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên đều đảm bảo quyền nuôi con theo quy định của pháp luật và hiện tại cháu L, cháu P đang ở cùng với chị T. Do đó việc các bên đề nghị được nuôi 02 con chung là không có căn cứ chấp nhận. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như việc khôn lớn trưởng thành của trẻ em và căn cứ vào nguyện vọng của các con chung.

Do vậy cần giao cho chị T nuôi dưỡng cháu P và giao cho anh Q nuôi dưỡng cháu L cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các bên được quyền đi lại và thăm nom con chung và không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không đề nghị do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:** Tòa án không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

**[3] Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trần Thu T được ly hôn anh Trần Văn Q.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Trần Thu T nuôi dưỡng cháu Trần Khả P, sinh ngày 22/9/2015; Giao cho Trần Văn Q nuôi dưỡng cháu Trần Khánh L, sinh ngày 24/10/2017 cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Các bên được quyền đi lại và chăm sóc con chung theo quy định mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

*Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.*

**3. Về tài sản và các khoản nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Trần Thu T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002193 ngày 12/11/2025 tại cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

**5. Về quyền kháng cáo:** Báo cho chị T, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND KV4- Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV4 -Thái Nguyên;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VŨ DUY CHINH**

